

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- LÀO CAI**

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-8-2025

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Thái và ông Trần Ngọc Đức

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 –Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXX-ST ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1990

Bị đơn: Anh Mông Văn L1, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Lào Cai

(Chị L, anh L1 cùng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Chị Trần Thị L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Mông Văn L1 tự do tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, đến ngày 13-11-2018 thì mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh

Lào Cai). Quá trình chung sống vợ chồng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt, nguyên nhân là do anh L1 thường xuyên uống rượu không làm chủ được bản thân gây sự vô cớ nên vợ chồng không hạnh phúc. Bản thân chị đã khuyên bảo động viên anh L1 bỏ rượu nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không mang lại hạnh phúc. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mông Văn L1.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Mông Trần Anh C, sinh ngày 03-3-2012 và cháu Mông Trần Nhật T, sinh ngày 01-7-2013. Do chị đi làm ăn xa nhà chưa có chỗ ở ổn định nên chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu cho anh L1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

** Bị đơn – Anh Mông Văn L1 có lời khai thể hiện:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Trần Thị L tự do tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2011, đến ngày 13-11-2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lào Cai). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống không còn tôn trọng nhau. Đến nay, anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Trần Thị L không còn và nhất trí ly hôn

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung là: Mông Trần Anh C, sinh ngày 03-3-2012 và Mông Trần Nhật T, sinh ngày 01-7-2013. Anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu chị Trần Thị L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh có nhà ở ổn định, các cháu được đi học đầy đủ. Chị L đi làm ăn, không có mặt ở địa phương, không có nhà ở ổn định.

- Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của con chung:* Cháu Mông Trần Anh C và Mông Trần Nhật T có nguyện vọng ở với bố là Mông Văn L1.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Lào Cai tại phiên tòa:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147,

Điều 273, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban hướng vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16//2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L để xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Mông Văn L1. Về nuôi con chung: Giao con chung là Mông Trần Anh C, sinh ngày 03-3-2012 và Mông Trần Nhật T, sinh ngày 01-7-2013 cho anh Mông Văn L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: Do chị Trần Thị L và anh Mông Văn L1 đều nhất trí ly hôn trước khi mở phiên toà nên chị L và anh L1, mỗi bên phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Mông Văn L1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án nên yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Chị Trần Thị L và anh Mông Văn L1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Chị L và anh L1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Mông Văn L1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Yên Bái (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) ngày 13-11-2018, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh L1 đều xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa và cũng đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn. Từ đó có căn cứ cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị L và anh Mông Văn L1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1

Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Mông Văn L1.

[3] Về nuôi con chung: Chị Trần Thị L và anh Mông Văn L1 có hai con chung là Mông Trần Anh C, sinh ngày 03-3-2012 và Mông Trần Nhật T, sinh ngày 01-7-2013. Hai bên đều thống nhất giao con chung cho anh L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, chị L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thoả thuận của anh chị là không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Mông Văn L1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện, thực tế khách quan của các đương sự nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do chị Trần Thị L và anh Mông Văn L1 thống nhất ly hôn trước khi mở phiên tòa nên chị L và anh L1, mỗi bên phải chịu 75.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Mông Văn L1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Mông Trần Anh C, sinh ngày 03-3-2012 và Mông Trần Nhật T, sinh ngày 01-7-2013 cho anh Mông Văn L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị Trần Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không

ai được cản trở.

3. Về án phí:

- Anh Mông Văn L1 phải chịu 75.000 đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (Anh L1 chưa nộp);

- Chị Trần Thị L phải chịu 75.000 đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại biên lai số: 0000215 ngày 18-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Trần Thị L được trả lại 225.000 đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2 - Lào Cai;
- THADS khu vực 2- Lào Cai;
- UBND xã Tân Lĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Thị Thanh Nga

